

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA LUẬT

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Công Pháp Quốc Tế		
Mã học phần:	71LAWS40023	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71LAWS40023_01,02,03,04		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh chỉ được tham khảo tài liệu bằng giấy:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Hiểu được đặc điểm của Luật Quốc Tế (LQT), mối quan hệ giữa LQT và Luật quốc gia; Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của LQT và những trường hợp ngoại lệ của các nguyên tắc cơ bản	Trắc nghiệm	45%	Câu 1 -> Câu 20	3.5	
CLO 2	Phân biệt được điều ước quốc tế và tập quán quốc tế, phân biệt được nguồn cơ bản của LQT và các phương tiện hỗ trợ	Trắc nghiệm	35%	Câu 21 -> Câu 32	4.5	

	nguồn, phân biệt được quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao với quyền ưu đãi miễn trừ lãnh sự, phân biệt được lãnh thổ quốc gia và lãnh thổ quốc tế, các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia; phân biệt được bộ phận cấu thành biên giới quốc gia					
CLO 4	Vận dụng được các kiến thức của LQT để đưa vào thực tiễn đời sống quốc tế	Tự luận	20%	Câu hỏi số 1,2 tự luận	2	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (32 câu, 0.25 điểm/câu)

Anh/chị hãy chọn phương án đúng nhất trong những câu sau đây

Bản chất của luật quốc tế là sự thỏa thuận, được thể hiện:

- A. Trong việc xây dựng các quy phạm pháp luật quốc tế và xác định phương thức áp dụng các quy phạm đó.
- B. Chọn luật quốc gia nào để điều chỉnh các quan hệ quốc tế.
- C. Chọn tòa án quốc gia nào để giải quyết tranh chấp quốc tế.
- D. Chọn biện pháp cưỡng chế riêng lẻ nào để bảo đảm cho luật quốc tế được tuân theo.

ANSWER: A

Quy phạm pháp luật quốc tế khác với các quy phạm đạo đức và các quy phạm chính trị ở chỗ:

- A. Chúng có tính bắt buộc chung
- B. Sự vi phạm không làm phát sinh trách nhiệm pháp lý cho chủ thể vi phạm
- C. Chúng được đảm bảo thực hiện bằng các cơ chế và biện pháp pháp lý
- D. Sự day dứt lương tâm là hình phạt cao nhất của chủ thể vi phạm

ANSWER: A

Cưỡng chế trong luật quốc tế:

- A. Do chính các chủ thể của luật quốc tế thực hiện trên cơ sở luật quốc tế.
- B. Trong mọi trường hợp, phải dựa trên cơ sở quyết định của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc
- C. Chỉ là các biện pháp vũ trang
- D. Chỉ mang tính tập thể

ANSWER: A

Luật quốc tế tác động đối với luật quốc gia ở chỗ:

- A. Luật quốc tế góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật của quốc gia
- B. Đây là sự tác động mang tính xuất phát điểm
- C. Việc ban hành hoặc sửa đổi những văn bản pháp luật quốc gia không cần tính tới sự hài hòa với các văn bản pháp luật quốc tế tương ứng
- D. Luật quốc tế phải được nội luật mới được áp dụng tại các quốc gia

ANSWER: A

Các biện pháp cưỡng chế trong luật quốc tế là do:

- A. Chính các chủ thể của luật quốc tế thực hiện trên cơ sở phù hợp luật quốc tế
- B. Hội đồng bảo an liên hợp quốc áp dụng
- C. Đại hội đồng liên hợp quốc ra quyết định áp dụng đối với chủ thể vi phạm luật quốc tế
- D. Tòa án quốc tế áp dụng

ANSWER: A

Các biện pháp cưỡng chế trong luật quốc tế:

- A. Có thể chia thành 3 nhóm: biện pháp chính trị, biện pháp kinh tế, biện pháp quân sự.
- B. Dù sử dụng biện pháp cưỡng chế nào thì chủ thể thực hiện cũng chính là Liên hợp quốc.
- C. Nó không bao giờ ảnh hưởng đến đời sống vật chất, tinh thần của công dân tại quốc gia bị cấm vận kinh tế hoặc trừng phạt vũ trang.
- D. Việc áp dụng biện pháp phi vũ trang chỉ thuộc về Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

ANSWER: A

Hành động đe dọa dùng vũ lực bị coi là vi phạm luật quốc tế khi quốc gia đó:

- A. Tập trung quân đội, hải quân, không quân, lục quân ở biên giới giáp với quốc gia khác
- B. Gửi tối hậu thư ca ngợi quốc gia khác
- C. Vi phạm thỏa thuận về sự có mặt của lực lượng vũ trang
- D. Tấn công xâm chiếm lãnh thổ quốc gia khác kể cả giới tuyến ngừng bắn

ANSWER: A

Một trong những trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực là:

- A. Sử dụng lực lượng quân sự để tự vệ đồng thời thông báo ngay cho Hội đồng bảo an
- B. Gửi tối hậu thư đe dọa quốc gia khác
- C. Dùng phương tiện bay quân sự bay trên vùng trời của quốc gia khác
- D. Ca tụng vũ khí giết người hàng loạt

ANSWER: A

Một trong những trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác là Hội đồng bảo an có quyền can thiệp vào:

- A. Cuộc xung đột vũ trang của bất cứ quốc gia nào nếu gây nguy hiểm cho nền hòa bình và an ninh quốc tế
- B. Cuộc đấu tranh giai cấp của bất cứ quốc gia nào
- C. Hoạt động lập pháp của bất cứ quốc gia nào nếu hoạt động đó không phù hợp với hiến chương Liên hợp quốc
- D. Công việc nội bộ của bất cứ quốc gia nào nếu ở đó vi phạm quyền cơ bản của công dân nước mình

ANSWER: A

Theo tuyên bố ngày 24/10/1970 của Đại hội đồng Liên hợp quốc thì có:

- A. 7 nguyên tắc
- B. 7 nguyên tắc và được bổ sung 2 nguyên tắc nữa
- C. 5 nguyên tắc
- D. 8 nguyên tắc

ANSWER: A

Những nguyên tắc sau đây là những nguyên tắc có các trường hợp ngoại lệ:

- A. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực; nguyên tắc Pacta Sunt Servanda; nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
 - B. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực; nguyên tắc tôn trọng các cam kết quốc tế; nguyên tắc Pacta Sunt Servanda
 - C. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau; nguyên tắc Pacta Sunt Servanda; nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác
 - D. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau; nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết; nguyên tắc tôn trọng các cam kết quốc tế
- ANSWER: A

Các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế được ra đời từ:

- A. Khóa họp lần thứ 25 của đại hội đồng Liên hợp quốc
- B. Trong hiến chương liên hợp quốc
- C. Trong công ước Montevideo năm 1933
- D. Trong tuyên bố cuối cùng của hội nghị Băng-đum 1955

ANSWER: A

Nguồn của luật quốc tế gồm:

- A. Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế và các nguyên tắc pháp luật chung
- B. Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế
- C. Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế, nghị quyết của tổ chức quốc tế liên chính phủ, phán quyết của tòa án quốc tế liên hợp quốc
- D. Gồm cả nguồn chính và nguồn bổ trợ

ANSWER: A

Điều ước quốc tế có thể có hiệu lực:

- A. Khi được các quốc gia thành viên kí chính thức hoặc phê chuẩn hoặc phê duyệt
- B. Khi được các bên tham gia hoàn thành thủ tục pháp lý nội bộ
- C. Khi được các bên tham gia kí ad referendum
- D. Khi được các bên trao đổi thư phê chuẩn hoặc thư phê duyệt cho nhau

ANSWER: A

Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế:

- A. Có giá trị pháp lý ngang nhau
- B. Điều ước quốc tế có giá trị pháp lý cao hơn tập quán quốc tế
- C. Tập quán quốc tế có giá trị áp dụng cao hơn điều ước quốc tế
- D. Tập quán quốc tế có giá trị pháp lý cao hơn điều ước quốc tế.

ANSWER: A

Mọi điều ước quốc tế đều:

- A. Hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa các chủ thể luật quốc tế
- B. Hình thành từ việc pháp điển hóa các tập quán quốc tế
- C. Có giá trị pháp lý cao hơn so với tập quán quốc tế
- D. Là những quy phạm mệnh lệnh của luật quốc tế

ANSWER: A

Ngôn ngữ của điều ước quốc tế là:

- A. Do các bên thỏa thuận
- B. Tiếng La-tinh hoặc tiếng Anh

- C. Tiếng Anh hoặc tiếng Pháp
- D. Tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Nga

ANSWER: A

Phê chuẩn điều ước quốc tế là hành vi:

- A. Công nhận hiệu lực của điều ước quốc tế
- B. Công nhận văn bản điều ước quốc tế
- C. Ghi nhận kết quả đàm phán đã thành công
- D. Bác bỏ hiệu lực của điều ước quốc tế.

ANSWER: A

“Nội luật hóa” điều ước quốc tế là hoạt động:

- A. Chuyển hóa các quy định của điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia
- B. Ký kết điều ước quốc tế và thừa nhận tập quán quốc tế
- C. Công nhận giá trị pháp lý và giá trị áp dụng của luật quốc tế trên lãnh thổ quốc gia
- D. Giải thích, làm sáng tỏ nội dung thật của điều ước quốc tế mà quốc gia là thành viên.

ANSWER: A

Theo pháp luật Việt Nam, gia nhập điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền của:

- A. Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ;
- B. Chủ tịch nước, Quốc hội và Thủ tướng chính phủ;
- C. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ
- D. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng chính phủ.

ANSWER: A

Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 là:

- A. Điều ước quốc tế đa phương
- B. Điều ước quốc tế song phương
- C. Không phải điều ước quốc tế
- D. Vấn đề còn đang tranh cãi có phải hay không phải là điều ước quốc tế

ANSWER: A

Sự hạn chế của bảo lưu:

- A. Bảo lưu chỉ áp dụng cho điều ước quốc tế đa phương không cấm bảo lưu
- B. Bảo lưu chỉ áp dụng cho điều ước quốc tế song phương
- C. Bảo lưu chỉ áp dụng khi điều ước quốc tế đó đã phát sinh hiệu lực
- D. Quốc gia không được phép rút bảo lưu khi đã tuyên bố bảo lưu

ANSWER: A

Ý nghĩa pháp lý của bảo lưu:

- A. Nhằm phát huy vai trò điều chỉnh các quan hệ quốc tế nảy sinh.
- B. Góp phần hạn chế số lượng thành viên tham gia.
- C. Để giải quyết lợi ích của các quốc gia đang phát triển.
- D. Góp phần tăng cường biện pháp bảo đảm thi hành luật quốc tế.

ANSWER: A

Điều ước ràng buộc nghĩa vụ đối với quốc gia thứ ba khi:

- A. Quốc gia thứ ba chấp nhận bằng văn bản.

- B. Quốc gia thứ ba im lặng chấp thuận.
- C. Được ½ thành viên của Điều ước quốc tế đó đồng ý.
- D. Được Đại hội đồng Liên hợp quốc yêu cầu.

ANSWER: A

Công nhận một quốc gia mới là:

- A. Công nhận đối với một chủ thể mới đang tồn tại
- B. Công nhận một chủ thể mới đang trong giai đoạn hình thành
- C. Công nhận một thực thể không cần khả năng tham gia vào quan hệ pháp lý quốc tế.
- D. Chỉ áp dụng cho quốc gia mới được hình thành do việc hợp nhất quốc gia.

ANSWER: A

Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết được công nhận là chủ thể của luật quốc tế khi:

- A. Dân tộc đó đang bị đô hộ, nô dịch và đứng lên đấu tranh đồng thời thành lập được cơ quan lãnh đạo phong trào.
- B. Các dân tộc đó đang đấu tranh chống lại giai cấp đối kháng.
- C. Các dân tộc đó đang đấu tranh và thành lập được cơ quan lãnh đạo đại diện cho dân tộc đó.
- D. Dân tộc đó là dân tộc đang bị đô hộ, nô dịch mà đứng lên đấu tranh.

ANSWER: A

Quốc gia là:

- A. Chủ thể cơ bản, chủ thể chủ yếu của luật quốc tế.
- B. Chủ thể chủ yếu của luật quốc tế.
- C. Chủ thể hạn chế của luật quốc tế.
- D. Chủ thể đặc biệt của luật quốc tế.

ANSWER: A

Theo Luật biên giới quốc gia của Việt Nam năm 2003, biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam (trừ phần biên giới trong Vịnh Bắc Bộ và vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và Campuchia) là:

- A. Đường cách đường cơ sở của Việt Nam không quá 12 hải lý.
- B. Đường cách đường cơ sở của Việt Nam 12 hải lý.
- C. Đường cách đường cơ sở của Việt Nam 24 hải lý.
- D. Đường cách đường cơ sở của Việt Nam không quá 24 hải lý.

ANSWER: A

Quy chế pháp lý của biên giới quốc gia do:

- A. Luật quốc tế quy định.
- B. Luật quốc tế và Luật quốc gia quy định.
- C. Hiến Chương Liên Hợp Quốc quy định.
- D. Dựa trên sự thỏa thuận của 2 nước hữu quan.

ANSWER: A

Lãnh thổ quốc tế gồm có:

- A. Bắc cực, Nam cực, vùng biển quốc tế, mặt trăng và các hành tinh khác

- B. Biển quốc tế, Nam cực, khoảng không vũ trụ, không phận quốc tế, mặt trăng và các hành tinh khác
 C. Biển quốc tế, Nam cực, khoảng không vũ trụ, không phận quốc tế
 D. Mặt trăng và các hành tinh khác
 ANSWER: A

Hai hay nhiều nước có thể cử cùng một người đứng đầu ở cơ quan đại diện ngoại giao tại một nước sở tại nếu:

- A. Các nước cử đi không phản đối việc đó
 B. Nước sở tại không phản đối việc đó
 C. Người này không phản đối việc đó
 D. Các nước cử và nước nhận không có quan hệ ngoại giao

ANSWER: A

Hàm ngoại giao là:

- A. Chức danh của những công chức ngành ngoại giao công tác trong các cơ quan thường trực ở nước ngoài
 B. Chức danh của những công chức ngành ngoại giao công tác trong các cơ quan đại diện ngoại giao thường trực trong nước và nước ngoài
 C. Chức vụ của viên chức ngoại giao công tác trong các cơ quan đại diện ngoại giao trong và ngoài nước
 D. Danh hiệu cao quý dành cho những người công tác trong ngành ngoại giao khi về hưu

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 + 1đ/câu)

Anh/chị hãy cho biết các khẳng định sau đây đúng hay sai? Giải thích tại sao?

- 1. Chế độ “tối huệ quốc” muốn nói lên sự cân bằng về quyền lợi giữa những người nước ngoài với công dân nước sở tại.**
- 2. Bảo hộ công dân là giải phóng cho công dân đó khỏi sự tài phán của quốc gia mà người đó đang cư trú**


ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8.0	
Câu 1 - 32	A	0.25/1 câu	Nhờ Phòng khảo thí trộn câu hỏi và đáp án
II. Tự luận		2.0	
Câu 1	Chế độ “tối huệ quốc” muốn nói lên sự cân bằng về quyền lợi giữa những người nước ngoài với công dân nước sở tại.		

	- Sai - Chế độ tối huệ quốc xác định cho thể nhân và pháp nhân nước ngoài ở nước sở tại được hưởng các quyền lợi và ưu đãi mà các thể nhân và pháp nhân của bất kỳ một nước thứ ba nào đang và sẽ được hưởng trong tương lai.	(0,25 đ) (0,75 đ)	
Câu 2	2. Bảo hộ công dân là giải phóng cho công dân đó khỏi sự tài phán của quốc gia mà người đó đang cư trú - Sai - Bảo hộ công dân là sự giúp đỡ của nhà nước đối với công dân nước mình ở nước ngoài. Đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của nhà nước đối với công dân nước mình ở nước ngoài	(0,25 đ) (0,75 đ)	
	Điểm tổng	10.0	


TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề



Nguyễn Thị Yên

Giảng viên ra đề



Nguyễn Thị Yên